

Số: 48 /2014/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 20 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy định một số nội dung về thực hiện đăng ký giá,
kê khai giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định một số nội dung về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam”.

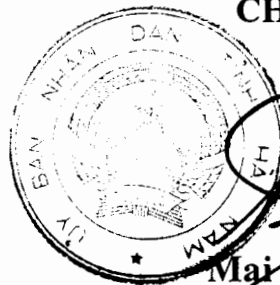
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 01/2012/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ll*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- TTTU, TTHĐND, UBND tỉnh;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ
- Như Điều 3;
- Đài PTTH, Báo Hà Nam;
- TTLT-CB, TH, NC;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



ll
Mai Tiến Dũng

QUY ĐỊNH

Về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **48** /2014/QĐ – UBND ngày **20** tháng **11**
năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định một số nội dung về thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

Các nội dung khác không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội, Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng.

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Nam căn cứ Quy định này để thực hiện đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa dịch vụ và các biện pháp quản lý giá theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền, căn cứ Quy định này để tiếp nhận, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đăng ký giá, kê khai giá, chấp hành pháp luật nhà nước về giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

c) Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về giá đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam khác với quy định tại Quy định này thì áp dụng theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá, kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này. *(Thực hiện trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá).*

2. Hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

Điều 3. Thời điểm, cách thức thực hiện, quy trình tiếp nhận, rà soát nội dung và biểu mẫu thực hiện đăng ký giá, kê khai giá

Thời điểm, cách thức thực hiện, quy trình tiếp nhận, rà soát nội dung và biểu mẫu thực hiện đăng ký giá, văn bản kê khai giá thực hiện theo nội dung Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Điều 4. Cơ quan tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá, Văn bản kê khai giá

1. Đối với cơ quan tiếp nhận biểu mẫu đăng ký giá: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

2. Đối với cơ quan tiếp nhận văn bản kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

3. Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1 kèm theo quy định này của các tổ chức thuộc đối tượng đăng ký giá trên địa bàn tỉnh mà không có tên trong danh sách thực hiện đăng ký giá tại Bộ Tài chính, Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

4. Phòng Tài chính – Kế hoạch các huyện, thành phố là cơ quan chuyên môn giúp UBND huyện, thành phố tiếp nhận, rà soát hồ sơ đăng ký giá, kê khai giá:

a) Biểu mẫu đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1 kèm theo quy định này của các cá nhân *(bao gồm các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá)* có trụ sở chính trên địa bàn huyện, thành phố.

b) Văn bản kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1 kèm theo quy định này trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá và hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục 2 kèm theo quy định này của các tổ chức, cá nhân *(bao gồm các đại lý có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá)* có trụ sở chính trên địa bàn huyện, thành phố mà không có tên trong danh sách thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính, Bộ quản lý chuyên ngành theo thẩm quyền.

Quy trình tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá, văn bản kê khai giá thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 16 Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

Phòng Tài chính - Kế hoạch công bố kết quả đăng ký giá, kê khai giá trên trang thông tin điện tử của các huyện, thành phố. Đồng thời tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài chính để đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

5. Cơ quan tiếp nhận và đối tượng thực hiện đăng ký giá mặt hàng thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Điều 5. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá

1. Đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá, kê khai giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 17 Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tổ chức, cá nhân là chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá (*Ký hợp đồng phân phối trực tiếp với nhà cung cấp và mua, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do nhà cung cấp quyết định*) không phải đăng ký giá, kê khai giá nhưng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản gửi Sở Tài chính về việc chi nhánh, đại lý không có quyền quyết định giá, điều chỉnh giá, cung cấp thông tin về giá của nhà cung cấp cho Sở Tài chính sau khi nhận được quyết định hoặc thông báo điều chỉnh giá của nhà cung cấp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc cung cấp thông tin.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông & Vận tải có trách nhiệm lập và gửi danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kê khai giá trên địa bàn tỉnh đối với các hoạt động vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ, vận tải hành khách bằng taxi trên địa bàn tỉnh về Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành thông báo. Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng kê khai giá thực hiện đúng quy định tại Quy định này và theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm lập và gửi danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh về Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành thông báo như sau:

- Danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng Đăng ký giá trong thời gian nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với các mặt

hàng: Phân đạm Urê; phân NPK; Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ; Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;

- Danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng kê khai giá đối với các mặt hàng: Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá thực hiện đúng quy định tại Quy định này.

3. Sở Y tế có trách nhiệm lập và gửi danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh về Sở Tài chính để tổng hợp trình UBND tỉnh ban hành thông báo như sau:

- Đăng ký giá: Thuốc phòng, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám, chữa bệnh;

- Kê khai giá: Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân, khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước.

Đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng đăng ký giá, kê khai giá thực hiện đúng quy định tại Quy định này và theo quy định của Bộ Y Tế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. Sở Tài chính:

- Tham mưu cho UBND tỉnh thông báo danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng đăng ký giá và kê khai giá trên địa bàn tỉnh (*trừ các tổ chức, cá nhân tại khoản 3 điều này*).

- Chủ trì phối hợp với Sở Công thương và các cơ quan chức năng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và giám sát việc thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trên địa bàn tỉnh.

- Định kỳ vào ngày 01 tháng 07 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá, kê khai giá tại địa phương.

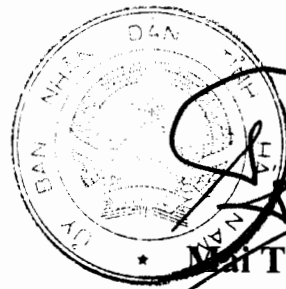
5. Các sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính để lập danh sách các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá, kê khai giá trình UBND tỉnh ban hành thông báo.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo phòng Tài chính – Kế hoạch triển khai thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá của các cá nhân, Văn bản kê khai giá của các tổ chức, cá nhân có trụ sở chính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

7. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký giá, kê khai giá có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký giá, kê khai giá. Công bố công khai thông tin về giá và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn đối với các mức giá đã đăng ký, kê khai.

8. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc; các ngành, các cấp, các doanh nghiệp, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét Quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Mai Tiến Dũng

Phụ lục 1

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIÁ

*(Thực hiện trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp
đăng ký giá để bình ổn giá)*

- 1) Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (*không bao gồm xăng máy bay*), dầu hỏa, dầu diezen, dầu mazut;
- 2) Điện bán lẻ;
- 3) Khí dầu mỏ hóa lỏng - LPG;
- 4) Phân đạm ure, phân NPK;
- 5) Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
- 6) Vacxin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- 7) Muối ăn;
- 8) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y Tế (Trừ các mặt hàng đã đăng ký tại Bộ Tài chính);
- 9) Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
- 10) Thóc, gạo tẻ thường;
- 11) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Phụ lục 2

DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ

(Theo quy định tại Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ và Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính)

Việc kê khai giá được thực hiện trước khi các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bán sản phẩm lần đầu sản xuất, kinh doanh ra thị trường; trước khi điều chỉnh giá các sản phẩm đã sản xuất, kinh doanh và đang bán bình thường thuộc danh mục phải kê khai giá hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- 1) Hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục 1 quy định này trong thời gian Nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;
- 2) Xi măng; Thép xây dựng;
- 3) Than;
- 4) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- 5) Giấy in, viết (*dạng cuộn*), giấy in báo sản xuất trong nước;
- 6) Giá dịch vụ tại cảng biển, giá dịch vụ hàng không tại cảng hàng không sân bay;
- 7) Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng;
- 8) Sách giáo khoa;
- 9) Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa không thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá;
- 10) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân, khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước.
- 11) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ, cước vận tải hành khách bằng taxi;
- 12) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;
- 13) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của Pháp luật chuyên ngành.

Phụ lục số 3
BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ

*(Theo quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014
của Bộ Tài chính)*

Tên đơn vị đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....
V/v: đăng ký giá

... , ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.
2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá

1. (Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngàytháng năm

BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ BÁN CỤ THỂ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của Công ty.....)

Doanh nghiệp là đơn vị (sản xuất hay dịch vụ).....

Đăng ký giá (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):.....cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá đăng ký hiện hành	Mức giá đăng ký mới	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày ... / ... /.....

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**
(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)
(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

STT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
A	Sản lượng nhập khẩu			
B	Giá vốn nhập khẩu			
1	Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)			
2	Thuế nhập khẩu			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Các khoản thuế, phí khác (nếu có)			
5	Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)			
C	Chi phí chung			
6	Chi phí tài chính (nếu có)			
7	Chi phí bán hàng			
8	Chi phí quản lý			
D	Tổng chi phí			
Đ	Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm			
E	Lợi nhuận dự kiến			
G	Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định			
H	Giá bán dự kiến			

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng
8. Chi phí quản lý
9. Lợi nhuận dự kiến
10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
11. Giá bán dự kiến

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Chi phí sản xuất:				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	Chi phí sản xuất chung:				
a	Chi phí nhân viên phân xưởng				
b	Chi phí vật liệu				
c	Chi phí dụng cụ sản xuất				
d	Chi phí khấu hao TSCĐ				
đ	Chi phí dịch vụ mua ngoài				
e	Chi phí bằng tiền khác				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
4	Chi phí tài chính				
	Tổng giá thành toàn bộ				
5	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
6	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
7	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

Phụ lục số 4

MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Theo quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014
của Bộ Tài chính)

Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....
V/v kê khai giá

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu kê khai giá....)

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính.

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá của cơ quan tiếp nhận

1. (Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

2. Hết thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Văn bản không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá kê khai mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Văn bản thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá kê khai.

Tên đơn vị
thực hiện kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1/ Mức giá kê khai (nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ):

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành	Mức giá kê khai mới	Mức tăng/ giảm	Tỷ lệ tăng/ giảm	Ghi chú

2/ Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

.....
.....
.....

3/ Các trường hợp ưu đãi, giảm giá hoặc chiết khấu... đối với các đối tượng khách hàng (nếu có)

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /